

Bản án số: 49/2022/HS-ST

Ngày: 10-6-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Bảo Toàn

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Sử, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2022/HSST ngày 15/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HS, ngày 13/5/2022 đối với bị cáo:

- Họ và tên: A, sinh năm 1997 (có mặt)
- Hộ khẩu thường trú: Khóm A, Phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu ;
- Chỗ ở hiện nay: Khóm A, Phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu;
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12;
- Cha: B (đã chết);
- Mẹ: C, sinh năm 1977;
- Anh chị em ruột có 02 người (tính luôn bị cáo), lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất là bị cáo.
- Tiền án: Không
- Tiền sự: 01 lần: Vào ngày 27/10/2021 bị Toà án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu quyết định áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng, đến nay chưa chấp hành xong.
- Nhân thân: Vào ngày 13/02/2018 A đã bị Toà án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu quyết định áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đã chấp hành xong.
- Bị cáo bị khởi tố vào ngày 21/11/2021.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/11/2021 cho đến nay.
- *Bị hại:* Anh D, sinh năm 1996 (*vắng mặt*)
Nơi cư trú: Khóm A, Phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh S, sinh năm 1985 (*vắng mặt*)
Nơi cư trú: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 10/9/2021 A đến nhà bị hại D để mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94D1 – 38766 đi mua card điện thoại và được bị hại đồng ý. A điều khiển xe của bị hại đến một siêu thị trên địa bàn Phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu mua card điện thoại. Sau khi mua card điện thoại xong, lúc này bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của bị hại để lấy tiền tiêu xài, bị cáo điều khiển xe đến gặp anh S ở: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu mượn số tiền 11.000.000 đồng rồi thế chấp chiếc xe cho anh S. Sau khi có tiền thì bị cáo đến huyện Đ chơi cùng bạn bè, khi bị hại gọi điện thoại đòi lại xe thì bị cáo nói dối xe đã bị Công an huyện Đ tạm giữ do vi phạm giao thông. Đến khi tiêu xài hết tiền thì bị cáo về địa bàn thị xã R nhưng không về nhà mà thuê nhà trọ để tiếp tục trốn tránh bị hại. Sau đó sự việc được bị hại trình báo Công an để xử lý.

Tại Bản kết luận giám định giá trị tài sản số: 121/KL-HĐĐGTS, ngày 16/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu kết luận: 01 chiếc xe mô tô, mang biển kiểm soát 94D1-38766 có giá trị còn lại: 24.790.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 21/CT-VKS, ngày 12/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu truy tố A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo A thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Viện Kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R trong phần luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo A từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bị cáo chịu trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu bị cáo về trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Chiếc xe của bị hại mà bị cáo chiếm đoạt, cơ quan điều tra Công an thị xã R đã thu giữ và trả lại cho bị hại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã R, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng về nội dung vụ án cũng như quyền lợi của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được làm rõ trong giai đoạn điều tra, truy tố nên việc xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[3] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại; đồng thời các lời khai của bị cáo và bị hại, đều phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập trong giai đoạn điều tra và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Lợi dụng mối quan hệ quen biết từ trước, vào lúc khoảng 17 giờ ngày 10/9/2021 bị cáo đến nhà bị hại để mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94D1 – 38766 đi mua card điện thoại và được bị hại đồng ý. Bị cáo sau khi mua card điện thoại xong thì bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của bị hại để lấy tiền tiêu xài, nên bị cáo điều khiển xe đến gặp anh S ở Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu mượn số tiền 11.000.000 đồng rồi thế chấp chiếc xe cho anh S. Sau khi có tiền thì bị cáo đến huyện Đ chơi cùng bạn bè, khi bị hại gọi điện thoại đòi xe thì bị cáo nói dối xe đã bị Công an huyện Đ tạm giữ do vi phạm giao thông. Đến khi tiêu xài hết tiền thì bị cáo về địa bàn thị xã Giá Rai nhưng không về nhà mà thuê nhà trọ để tiếp tục trốn tránh bị hại. Tổng giá trị tài sản chiếm

đoạt theo Bản kết luận giám định giá trị tài sản số: 121/KL-HĐĐGTS, ngày 16/10/2021 là 24.790.00 đồng. Hành vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) là hoàn toàn đúng với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã R đã truy tố.

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy rằng: Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây tâm lý nghi ngờ, mất lòng tin lẫn nhau trong nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự xã hội địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm dân sự, nhận thức được hành vi lợi dụng sự tin tưởng để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị, nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên đã cố ý thực hiện. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ông nội của bị cáo là người có công cách mạng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), thì các bị cáo A còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an thị xã R, tỉnh Bạc Liêu đã trả 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, mang biển kiểm soát 94D1-38766 cho anh D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt và xử lý vật chứng phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Bị cáo là người bị kết án, nên phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lý do nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 175; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo A 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Giao bị cáo;
- Giao bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Giao Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp;
- Gửi Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Gửi Cơ quan thi hành án hình sự
- Trại tạm giam nơi bị cáo giam giữ (nếu có);
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thuý